

Số: 231/BC-UBND

Xã Lý Văn Lâm, ngày 27 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

**Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2025
và một số phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025
(Sau thẩm tra)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Lý Văn Lâm về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2025, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

Trong công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí luôn được lãnh đạo xã quan tâm. Ủy ban nhân dân phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể tuyên truyền, quán triệt một số văn bản có liên quan đến công tác THTK, CLP thông qua các buổi họp, họp báo hàng tuần hoặc các cuộc họp cán bộ, công chức hàng tháng. Nhằm nâng cao trách nhiệm trong toàn hệ thống chính trị về THTK, CLP. Trong 6 tháng đầu năm 2025, đã tuyên truyền được 19 lượt có 391 lực lượng tham gia.

Thông qua phát sóng trên trạm truyền thanh của xã đã phổ biến giáo dục về phòng chống tham nhũng và THKT, CLP gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP

Căn cứ vào Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005, luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác; căn cứ vào chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, CLP năm 2017 được ban hành tại QĐ số 253/QĐ-TTg ngày 17/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm đã triển khai và tổ chức thực hiện rộng rãi từ xã đến ấp trên từng nội dung, lĩnh vực phụ trách đề cao THTK, CLP.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP

Trong 6 tháng đầu năm 2025, UBND xã thành lập tổ kiểm kê cơ sở vật chất, thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí hoạt động của ấp tháng 3.000.000 đồng.

Giao cho bộ phận văn phòng giám sát việc sử dụng văn phòng phẩm, điện, nước.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trên cơ sở quy định định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Trung ương và địa phương, Ủy ban nhân dân xã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để nhằm cụ thể hóa các chủ trương, quy định như: công tác phí, chế độ thăm bệnh, đồng phục.

b) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Vào kỳ họp HĐND, UBND xã trình dự toán chi ngân sách cho HĐND có thẩm quyền ra Nghị quyết. Trong thời gian thực hiện dự toán chi đơn vị luôn chủ động tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí. Trong 6 tháng đầu năm 2025 tình hình thu – chi ngân sách cơ bản đạt theo tiến độ dự toán.

c) THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Trong 6 tháng đầu năm 2025, đơn vị không có mua sắm tài sản.

d) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Trong 6 tháng năm 2025, đơn vị được đầu tư các công trình XD cơ bản như sau:

- Xây dựng điểm trao đổi, tiêu thụ nông sản xã Lý Văn Lâm số tiền 335.000.000 đồng.

- Sửa chữa các điểm trường trên địa bàn xã Lý Văn Lâm số tiền: 924.609.000 đồng.

đ) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

Trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên luôn nâng cao ý thức toàn hệ thống chính trị về THTK, CLP.

e) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

Công tác tổ chức bộ máy nhà nước thực hiện kịp thời, hoạt động có hiệu quả. Trong các cuộc họp, Đảng ủy – UBND xã luôn quán triệt việc nâng cao ý thức, trách nhiệm, rèn luyện đạo đức, tác phong làm việc của cán bộ, công chức.

g) Các DN vốn 100% Nhà nước:

Hiện tại, địa phương không có doanh nghiệp Nhà nước thuộc địa phương quản lý.

h) THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân

Trong quá trình lãnh chỉ đạo, UBND xã luôn nêu cao cuộc vận động: “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, qua các cuộc vận động kịp thời nêu gương các cá nhân tập thể tiết kiệm, gương mẫu không xa hoa, lãng phí...

2. Phân tích, đánh giá:

a) Đánh giá kết quả đạt được:

Ủy ban nhân dân xã tích cực triển khai thực hiện công tác THTK, CLP đến ban ngành, đoàn thể từ xã đến ấp, từ cán bộ chủ chốt đến cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Hầu hết tất cả các cá nhân, tập thể luôn thực hiện tốt, qua đó đã khắc phục những hạn chế, yếu kém, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách thủ tục hành chính.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Bên cạnh những kết quả đạt được, đơn vị vẫn còn những hạn chế nhất định như sau:

Công tác xây dựng chương trình THTK, CLP vẫn còn mang tính chất chung chung chủ yếu là sự tự giác của mỗi cá nhân; khó kiểm điểm, đánh giá, tổng kết.

Công tác thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm đôi lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

III. Một số nhiệm vụ trọng tâm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2025

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đẩy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và địa phương về các giải pháp cụ thể liên quan đến THTK, CLP.

Tập trung đẩy mạnh cải cách TTHC, cải cách chế độ công vụ, thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính và thanh tra công vụ.

2. Các giải pháp thực hiện

Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch nhằm phát hiện xử lý nghiêm các vụ việc lãng phí.

IV. Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành



Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 231/BC-UBND, ngày 27 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Lý Văn Lâm)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2024	Kế hoạch của năm 2025	Kết quả 6 tháng đầu năm 2025	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2025 so với		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		9	29	11			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	2	8	3			
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	1	4	1			
-	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	2	7	3			
-	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
-	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	2	3	2			
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	1	5	1			
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	1	2	1			
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
-	Các khoản khác	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		-	-	-			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2024	Kế hoạch của năm 2025	Kết quả 6 tháng đầu năm 2025	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2025 so với		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		-	-	-			
-	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
-	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
-	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2024	Kế hoạch của năm 2025	Kết quả 6 tháng đầu năm 2025	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2025 so với		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	-	-	-			Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
-	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
-	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2024	Kế hoạch của năm 2025	Kết quả 6 tháng đầu năm 2025	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2025 so với		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		-	-	-			
-	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2024	Kế hoạch của năm 2025	Kết quả 6 tháng đầu năm 2025	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2025 so với		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
-	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
-	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
-	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
-	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
-	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
-	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
-	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
-	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
-	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
-	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
-	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
-	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
-	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
-	Số đầu kỳ	triệu đồng						
-	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
-	Số đầu năm	triệu đồng						
-	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2024	Kế hoạch của năm 2025	Kết quả 6 tháng đầu năm 2025	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2025 so với		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						
<u>Ghi chú:</u>								
- Số liệu báo cáo 6 tháng là số thực tế thực hiện của 5 tháng đầu năm 2025 và ước thực hiện của tháng 6 năm 2025.								